

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 19523.....
	Ngày: 28.5.14.....
	Chuyển:.....
	Lưu hồ sơ số:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013
đến ngày 31 tháng 3 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 3 năm 2014	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo Vệ Thực Vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 2616/QĐ/BNN-TCCB ngày 30 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301242080 ngày 07 tháng 02 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 02 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 173.999.910.000 VND.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh Đồng Nai tại Ấp Trần Cao Vân, Xã Bàu Hàm 2, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Thừa Thiên Huế tại 606 Lê Duẩn, Phường Phú Thuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Chi nhánh Vĩnh Long tại Ấp Long Thuận, Xã Long Phước, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.
- Chi nhánh Kiên Giang tại 97A, Ấp Phước Ninh, Xã Mong Thọ B, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Tiền Giang tại Km 1990 Quốc lộ 1, Ấp Mỹ Càn, Xã Nhị Mỹ, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Nghệ An tại 19 Nguyễn Tiềm, Khối 11, Phường Đội Cung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Sóc Trăng tại Ấp Tâm Phước, Xã Đại Tâm, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.
- Chi nhánh An Giang tại Ấp Hòa Phú 1, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Cần Thơ tại Lô 30 A4, Khu công nghiệp Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Bình Phước tại Khu phố Tân Trà, Phường Tân Xuân, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Hà Nội tại Phòng 2404, Nhà 24T1, Khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đồng Tháp tại 407 Nguyễn Trãi, Thị trấn Mỹ Thọ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Lâm Đồng tại 25A, Tổ 10, Thôn Phi Nôm, Xã Hiệp Thạnh, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.
- Chi nhánh Sơn La tại Tiểu khu 3, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.
- Văn phòng đại diện Long An tại 85 Quốc lộ 1A, Khu phố Thanh Xuân, Phường 5, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đặng Thanh Cường	Chủ tịch
Ông Quách Thành Đồng	Phó Chủ tịch
Ông Mai Trí Dũng	Thành viên
Ông Phan Thế Thành	Thành viên
Ông Phạm Trường Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huỳnh Đăng	Giám đốc tài chính – Kế toán trưởng

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến 31 tháng 3 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



QUÁCH THÀNH ĐỒNG



Số: 14.483/BCSXHN-DTL

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 5 năm 2014 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Phần tiếp theo ở trang 5)



Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỤY NHÃ VY

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1875-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		747.753.909.887	553.080.679.302
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	25.637.540.541	11.931.329.827
1. Tiền	111		25.637.540.541	11.931.329.827
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	386.757.429.576	334.843.500.678
1. Phải thu khách hàng	131		399.336.199.628	347.149.892.190
2. Trả trước cho người bán	132		53.019.000	353.356.118
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		54.409.123	-
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.686.198.175)	(12.659.747.630)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	321.759.271.026	203.414.273.228
1. Hàng tồn kho	141		321.759.271.026	203.414.273.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.599.668.744	2.891.575.569
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.484.808.915	1.127.593.718
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.049.347.658	24.883.851
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		48.926.338	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	3.016.585.833	1.739.098.000

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.307.795.905	134.550.540.326
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		74.067.313.404	75.200.350.006
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.5)	22.214.573.736	19.310.886.866
+ Nguyên giá	222		41.462.604.620	37.607.138.186
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.248.030.884)	(18.296.251.320)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	51.806.739.668	52.258.806.963
+ Nguyên giá	228		59.650.769.407	59.166.967.407
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.844.029.739)	(6.908.160.444)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		46.000.000	3.630.656.177
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	54.973.361.295	56.243.907.553
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		37.621.266.953	38.062.413.211
3. Đầu tư dài hạn khác	258		25.400.990.000	25.400.990.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.048.895.658)	(7.219.495.658)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.267.121.206	3.106.282.767
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	3.092.749.646	3.045.090.977
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		168.371.560	55.191.790
3. Tài sản dài hạn khác	268		6.000.000	6.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		880.061.705.792	687.631.219.628

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		518.499.507.846	300.178.719.533
I. Nợ ngắn hạn	310		505.104.485.651	293.990.005.294
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	282.719.404.560	222.497.621.545
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	185.042.292.574	42.383.863.200
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	2.401.394.925	468.830.387
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	4.407.297.432	13.671.979.076
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	2.451.410.241	5.976.250.836
6. Chi phí phải trả	316		633.752.952	2.106.863.967
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.13)	18.186.981.839	621.034.122
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.14)	9.261.951.128	6.263.562.161
II. Nợ dài hạn	330		13.395.022.195	6.188.714.239
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	(5.15)	13.395.022.195	6.188.714.239
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		361.562.197.946	387.452.500.095
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16)	361.562.197.946	387.452.500.095
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		173.999.910.000	173.999.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		84.582.464.000	84.582.464.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		141.997.856	141.997.856
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		72.559.194.716	68.009.756.928
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.069.850.861	14.236.502.872
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.208.780.513	46.481.868.439
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		880.061.705.792	687.631.219.628

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		98.975,43	43.118,53
+ EUR		204,96	204,72
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2014

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ THỊ NGỌC ÚT

NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG

QUÁCH THÀNH ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		440.052.386.224	422.611.783.973
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	440.052.386.224	422.611.783.973
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	367.875.860.024	348.946.530.162
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.176.526.200	73.665.253.811
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		430.030.897	1.435.286.896
7. Chi phí tài chính	22	(6.3)	10.922.563.728	7.821.928.875
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		9.111.717.155	6.590.111.713
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	40.261.088.219	27.956.877.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	6.281.064.335	14.846.175.206
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.141.840.815	24.475.558.990
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	3.329.831.224	43.135.343
12. Chi phí khác	32		448.908.928	371.180.855
13. Lợi nhuận khác	40		2.880.922.296	(328.045.512)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(455.279.077)	(262.527.991)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		17.567.484.034	23.884.985.487
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.7)	4.094.076.115	6.197.136.478
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		(113.179.770)	(24.284.270)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		13.586.587.689	17.712.133.279
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		13.586.587.689	17.712.133.279
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	(5.16.4)	781	1.018

NGƯỜI LẬP

ĐỖ THỊ NGỌC ÚT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2014



TỔNG GIÁM ĐỐC

QUÁCH THÀNH ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		406.318.410.613	436.010.399.195
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(373.587.932.896)	(362.139.138.637)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.771.591.251)	(8.118.733.418)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(9.201.116.928)	(7.278.303.345)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(9.947.235.661)	(7.140.595.921)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		29.629.464.726	9.158.147.109
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(53.925.656.577)	(39.625.167.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.485.657.974)	20.866.607.708
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.149.805.510)	(1.088.627.651)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		123.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	12.418.875.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		387.398.197	1.435.286.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.639.407.313)	12.765.534.217

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		305.577.507.410	299.775.621.874
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(245.343.853.550)	(271.392.275.206)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.399.329.800)	(51.384.470.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.834.324.060	(23.001.123.432)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		13.709.258.773	10.631.018.493
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.931.329.827	21.140.055.635
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.048.059)	1.394.810
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		25.637.540.541	31.772.468.938

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ THỊ NGỌC ÚT

NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG

QUÁCH THÀNH ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo Vệ Thực Vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 2616/QĐ/BNN-TCCB ngày 30 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301242080 ngày 07 tháng 02 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 02 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 173.999.910.000 VND.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh Đồng Nai tại Ấp Trần Cao Vân, Xã Bàu Hàm 2, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Thừa Thiên Huế tại 606 Lê Duẩn, Phường Phú Thuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Chi nhánh Vĩnh Long tại Ấp Long Thuận, Xã Long Phước, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.
- Chi nhánh Kiên Giang tại 97A, Ấp Phước Ninh, Xã Mong Thọ B, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Tiền Giang tại Km 1990 Quốc lộ 1, Ấp Mỹ Cần, Xã Nhị Mỹ, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Nghệ An tại 19 Nguyễn Tiềm, Khối 11, Phường Đội Cung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Sóc Trăng tại Ấp Tâm Phước, Xã Đại Tâm, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.
- Chi nhánh An Giang tại Ấp Hòa Phú 1, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Cần Thơ tại Lô 30 A4, Khu công nghiệp Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Bình Phước tại Khu phố Tân Trà, Phường Tân Xuân, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Hà Nội tại Phòng 2404, Nhà 24T1, Khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đồng Tháp tại 407 Nguyễn Trãi, Thị trấn Mỹ Thọ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Lâm Đồng tại 25A, Tổ 10, Thôn Phi Nôm, Xã Hiệp Thạnh, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.
- Chi nhánh Sơn La tại Tiểu khu 3, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.
- Văn phòng đại diện Long An tại 85 Quốc lộ 1A, Khu phố Thanh Xuân, Phường 5, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 là 250 (30/9/2013: 248).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, giống cây trồng (không sản xuất tại trụ sở).
- Sản xuất, mua bán thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống.
- Dịch vụ bảo vệ thực vật, cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kĩ thuật trồng trọt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Mua bán hạt nhựa.
- Cho thuê kho, văn phòng, máy móc thiết bị sản xuất ngành nông dược, xe tải.
- Dịch vụ quảng cáo thương mại, tiếp thị, nghiên cứu thị trường.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty TNHH Nông Dược HAI Quy Nhơn	Đường Tô Hiệu, Cụm Công nghiệp Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	100%	100%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH HAI Minh Long	Lô 02, HC07-HC08, KCN Xuyên Á, Đức Hòa, Long An	50%	50%
2.	Công ty CP Thương Mại Nông Nghiệp Sông Mê Kông	161 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	30%	30%
3.	Công ty CP Bồn Đứng	Lô J3, J4, J5, J6 KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, Xã Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Phước	50%	50%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ 01/10 năm nay và kết thúc vào 30/9 năm sau.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất đúng và chi phí sửa chữa lớn và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không khấu hao
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	33 – 50 năm
+ Nhân hiệu hàng hóa	03 năm
+ Phần mềm máy vi tính	03 – 05 năm
+ Bản quyền phần mềm Microsoft	08 năm

4.8. Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác
 - + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ kế toán và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Hàng năm, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội cổ đông quyết định tại Đại hội cổ đông thường niên.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.13. Chi phí lãi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.15. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Giống cây trồng	Không chịu thuế
+ Thuốc nông dược	5%
+ Dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.16. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.376.450.178	397.324.642
Tiền gửi ngân hàng	20.572.087.366	11.534.005.185
Tiền đang chuyển	3.689.002.997	-
Tổng cộng	25.637.540.541	11.931.329.827

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	399.336.199.628	347.149.892.190
Trả trước cho người bán	53.019.000	353.356.118
Các khoản phải thu khác	54.409.123	-
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	399.443.627.751	347.503.248.308
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(12.686.198.175)	(12.659.747.630)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	386.757.429.576	334.843.500.678

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 700.000.000 VND – Xem thêm mục 8.

Giá trị khoản phải thu cuối kỳ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.9.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.649.374.715	5.626.095.592
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.199.091.869	1.449.528.573
Thành phẩm	13.260.458.753	5.285.395.879
Hàng hóa	267.644.024.584	133.562.812.032
Hàng gửi đi bán	29.006.321.105	57.490.441.152
Cộng giá gốc hàng tồn kho	321.759.271.026	203.414.273.228

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.9.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	2.278.422.783	711.727.690
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	738.163.050	1.027.370.310
Tổng cộng	3.016.585.833	1.739.098.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	15.972.470.411	5.669.959.047	15.701.757.015	262.951.713	37.607.138.186
Mua trong kỳ	-	10.904.814	891.707.544	77.147.794	979.760.152
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.584.656.177	-	-	-	3.584.656.177
Thanh lý	-	-	(708.949.895)	-	(708.949.895)
Số dư cuối kỳ	19.557.126.588	5.680.863.861	15.884.514.664	340.099.507	41.462.604.620
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.346.802.677	4.012.641.919	8.696.542.509	240.264.215	18.296.251.320
Khấu hao trong kỳ	387.559.942	411.211.852	847.026.143	14.931.522	1.660.729.459
Thanh lý	-	-	(708.949.895)	-	(708.949.895)
Số dư cuối kỳ	5.734.362.619	4.423.853.771	8.834.618.757	255.195.737	19.248.030.884
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.625.667.734	1.657.317.128	7.005.214.506	22.687.498	19.310.886.866
Tại ngày cuối kỳ	13.822.763.969	1.257.010.090	7.049.895.907	84.903.770	22.214.573.736

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.356.112.975 VND.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	VND				
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	55.017.393.608	593.310.000	1.621.260.478	1.935.003.321	59.166.967.407
Mua trong kỳ	-	454.402.000	-	29.400.000	483.802.000
Số dư cuối kỳ	55.017.393.608	1.047.712.000	1.621.260.478	1.964.403.321	59.650.769.407
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.824.836.522	21.625.416	982.120.681	1.079.577.825	6.908.160.444
Khấu hao trong kỳ	515.420.688	51.228.171	174.654.516	194.565.920	935.869.295
Số dư cuối kỳ	5.340.257.210	72.853.587	1.156.775.197	1.274.143.745	7.844.029.739
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	50.192.557.086	571.684.584	639.139.797	855.425.496	52.258.806.963
Tại ngày cuối kỳ	49.677.136.398	974.858.413	464.485.281	690.259.576	51.806.739.668

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 573.333.333 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	37.621.266.953	38.062.413.211
Đầu tư dài hạn khác	25.400.990.000	25.400.990.000
Cộng giá trị các khoản đầu tư dài hạn	63.022.256.953	63.463.403.211
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(8.048.895.658)	(7.219.495.658)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	54.973.361.295	56.243.907.553

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ QSH	VND	Tỷ lệ QSH	VND
Công ty TNHH HAI Minh Long	50%	11.141.167.360	50%	11.308.093.235
Công ty CP Thương Mại Nông Nghiệp Sông Mê Kông	30%	12.007.726.817	30%	12.002.263.016
Công ty CP Bốn Đúng	50%	14.472.372.776	50%	14.752.056.960
Cộng		37.621.266.953		38.062.413.211

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Công ty CP Khử Trùng Việt Nam	214.800	8.974.200.000	214.800	8.974.200.000
Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn	71.500	2.249.390.000	71.500	2.249.390.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	643.717	14.177.400.000	643.717	14.177.400.000
Cộng	930.017	25.400.990.000	930.017	25.400.990.000

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	(1.212.640.000)	(383.240.000)
Ngân hàng TMCP Việt Á	(6.836.255.658)	(6.836.255.658)
Cộng	(8.048.895.658)	(7.219.495.658)

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Lãi chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp TW	601.802.418	956.341.392
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.274.383.648	1.171.815.878
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.016.335.030	624.291.975
Chi phí thuê văn phòng, mặt bằng	200.228.550	292.641.732
Tổng cộng	3.092.749.646	3.045.090.977

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.9. Vay và nợ ngắn hạn

Là các khoản vay ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Các khoản vay này chịu lãi suất cố định theo từng kế ước nhận nợ và được thế chấp bằng hàng tồn kho và khoản phải thu của Tập đoàn có giá trị tối thiểu bằng số dư nợ - Xem thêm mục 5.2 và 5.3.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	185.042.292.574	42.383.863.200
Người mua trả tiền trước	2.401.394.925	468.830.387
Tổng cộng	187.443.687.499	42.852.693.587

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó, khoản phải trả các bên liên quan là 108.284.400 VND – Xem thêm mục 8.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	517.655.518	4.153.462.833
Thuế xuất nhập khẩu	268.040.501	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.620.368.080	9.473.527.626
Thuế thu nhập cá nhân	1.233.333	44.988.617
Tổng cộng	4.407.297.432	13.671.979.076

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 3 còn phải trả cho người lao động.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	15.659.550	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	263.998.428	-
Phải trả cổ tức	17.402.635.800	1.983.600
Phải trả khác	504.688.061	619.050.522
Tổng cộng	18.186.981.839	621.034.122

5.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	6.263.562.161	1.901.610.364
Trích lập trong kỳ	4.675.212.657	9.423.188.087
Sử dụng trong kỳ	(1.676.823.690)	(3.935.071.583)
Số dư cuối kỳ	9.261.951.128	7.389.726.868

5.15. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu dịch vụ chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16. Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	173.999.910.000	84.582.464.000	4.269.846	58.917.809.010	11.604.251.024	74.051.697.877	403.160.401.757
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	46.306.560.534	46.306.560.534
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.956.751.000	2.513.420.330	(11.470.171.330)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(52.199.973.000)	(52.199.973.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.448.433.648)	(9.448.433.648)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(4.269.846)	-	-	-	(4.269.846)
Tăng giảm hợp nhất báo cáo	-	-	141.997.856	163.454.418	118.831.518	(757.811.994)	(333.528.202)
Giảm khác	-	-	-	(28.257.500)	-	-	(28.257.500)
Số dư đầu năm nay	173.999.910.000	84.582.464.000	141.997.856	68.009.756.928	14.236.502.872	46.481.868.439	387.452.500.095
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	13.586.587.689	13.586.587.689
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.565.265.788	1.908.347.989	(6.473.613.777)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(34.799.982.000)	(34.799.982.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.675.212.657)	(4.675.212.657)
Tăng giảm hợp nhất báo cáo	-	-	-	-	(75.000.000)	89.132.819	14.132.819
Giảm khác	-	-	-	(15.828.000)	-	-	(15.828.000)
Số dư cuối kỳ	173.999.910.000	84.582.464.000	141.997.856	72.559.194.716	16.069.850.861	14.208.780.513	361.562.197.946

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	86.938.800.000	82.800.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	87.061.110.000	91.199.910.000
Tổng cộng	173.999.910.000	173.999.910.000

5.16.3. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	17.399.991	17.399.991
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	17.399.991	17.399.991
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	17.399.991	17.399.991
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	13.586.587.689	17.712.133.279
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	17.399.991	17.399.991
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	781	1.018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	437.255.286.550	411.276.302.217
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.797.099.674	11.335.481.756
Doanh thu thuần	440.052.386.224	422.611.783.973

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	365.430.851.763	337.839.929.247
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.439.532.052	11.103.749.578
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	5.476.209	2.851.337
Tổng cộng	367.875.860.024	348.946.530.162

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	9.111.717.155	6.590.111.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	622.910.780	1.068.600.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	247.671.221	43.913.536
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	829.400.000	(38.621.021)
Chi phí tài chính khác	110.864.572	157.924.141
Tổng cộng	10.922.563.728	7.821.928.875

6.4. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	12.765.730.749	8.509.412.678
Chi phí vật liệu, bao bì dụng cụ	1.809.831.149	1.569.387.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.348.212.011	2.376.411.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.732.341.833	7.090.240.493
Chi phí khác bằng tiền	16.604.972.477	8.411.426.332
Tổng cộng	40.261.088.219	27.956.877.636

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.459.815.239	2.523.067.274
Chi phí vật liệu, bao bì dụng cụ	241.924.381	228.826.412
Chi phí đồ dùng văn phòng	76.572.333	49.353.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	248.386.743	162.690.312
Thuế, phí, lệ phí	78.511.051	90.623.821
Chi phí dự phòng	26.450.545	7.381.190.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	806.149.739	3.351.296.364
Chi phí khác bằng tiền	1.343.254.304	1.059.126.867
Tổng cộng	6.281.064.335	14.846.175.206

6.6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	79.593.857	43.098.359
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	111.818.182	-
Thu tiền khuyến mãi mua hàng, tiền hỗ trợ bán hàng	2.903.856.232	-
Thu nhập khác	234.562.953	36.984
Tổng cộng	3.329.831.224	43.135.343

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 và sẽ được điều chỉnh khi Tập đoàn thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm tài chính.

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	350.216.158.895	329.469.830.583
Chi phí nhân công	16.225.545.988	11.032.479.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.596.598.754	2.539.101.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.327.087.323	26.155.514.279
Chi phí khác bằng tiền	23.267.992.692	19.762.811.864
Chi phí dự phòng	855.850.545	7.342.569.806
Tổng cộng	418.489.234.197	396.302.307.844

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Giống
- Thuốc kích thích sinh trưởng
- Các lĩnh vực khác gồm nguyên liệu, dịch vụ quảng cáo khuyến mãi và dịch vụ khác.

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014

	<u>Thuốc bảo vệ thực vật</u>		<u>Giống</u>		<u>Thuốc kích thích sinh trưởng</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	ĐVT: triệu đồng											
Doanh thu hợp nhất												
Từ khách hàng bên ngoài	304.808	376.129	108.415	-	13.444	11.006	13.385	35.477	-	-	440.052	422.612
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	304.808	376.129	108.415	-	13.444	11.006	13.385	35.477	-	-	440.052	422.612
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất												
Kết quả của bộ phận	44.577	69.206	23.158	-	3.395	3.104	1.046	1.355	-	-	72.176	73.665
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	46.542	42.803
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.634	30.862
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	430	1.435
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.923	7.822
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.567	23.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.094	6.197
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(113)	(24)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.586	17.712



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Các thông tin khác

	<u>Thuốc bảo vệ thực vật</u>		<u>Giống</u>		<u>Thuốc kích thích sinh trưởng</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	880.062	687.631

Tổng tài sản hợp nhất

880.062 687.631

	<u>Thuốc bảo vệ thực vật</u>		<u>Giống</u>		<u>Thuốc kích thích sinh trưởng</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	518.500	300.179

Tổng nợ phải trả hợp nhất

518.500 300.179

	<u>Thuốc bảo vệ thực vật</u>		<u>Giống</u>		<u>Thuốc kích thích sinh trưởng</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.150	1.089
Chi phí khấu hao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.597	2.541

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH HAI Minh Long	Công ty liên doanh
3. Công ty CP Bốn Đúng	Công ty liên kết
4. Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám đốc

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 5.2	700.000.000	1.000.000.000
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 5.10	(108.284.400)	(3.885.000)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	20.092.693.240
Mua hàng	59.718.000	261.201.900

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thành viên chủ chốt của Công ty:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị của Công ty	150.000.000	150.000.000
Thù lao Ban kiểm soát của Công ty	54.000.000	54.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Công ty	1.641.325.000	1.147.548.000
Thu nhập của thành viên chủ chốt của Công ty	581.342.000	463.292.000
Tổng cộng	2.426.667.000	1.814.840.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

(Phần tiếp theo ở trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2014	01/10/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.637.540.541	11.931.329.827
Phải thu khách hàng và phải thu khác	386.704.410.576	334.490.144.560
Đầu tư tài chính dài hạn khác	17.352.094.342	18.181.494.342
Tài sản tài chính khác	744.163.050	-
Tổng cộng	430.438.208.509	364.602.968.729
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	282.719.404.560	222.497.621.545
Phải trả người bán và phải trả khác	202.949.616.435	42.383.863.200
Chi phí phải trả	633.752.952	2.106.863.967
Nợ tài chính khác	-	621.034.122
Tổng cộng	486.302.773.947	267.609.382.834

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(Phần tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	USD	
	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2014	01/10/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.975,43	43.118,53
Phải thu khách hàng	1.085.689,00	366.925,40
Tài sản tài chính khác	27.054,00	-
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	526.269,00	232.214,10
Phải trả người bán	5.809.751,20	813.055,20

	EUR	
	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2014	01/10/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	204,96	204,72

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn chưa có ý định bán các khoản đầu tư này.

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

			VND
31/3/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	282.719.404.560	-	282.719.404.560
Phải trả người bán và phải trả khác	202.949.616.435	-	202.949.616.435
Chi phí phải trả	633.752.952	-	633.752.952
01/10/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	222.497.621.545	-	222.497.621.545
Phải trả người bán	42.383.863.200	-	42.383.863.200
Chi phí phải trả	2.106.863.967	-	2.106.863.967
Nợ tài chính khác	621.034.122	-	621.034.122

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
31/3/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	386.704.410.576	-	386.704.410.576
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	17.352.094.342	17.352.094.342
Tài sản tài chính khác	738.163.050	6.000.000	744.163.050
01/10/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	334.490.144.560	-	334.490.144.560
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	18.181.494.342	18.181.494.342

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho sáu tháng đầu năm tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 5 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2014

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






ĐỖ THỊ NGỌC ÚT

NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG

QUÁCH THÀNH ĐỒNG